

Số: 33/GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 27 tháng 6 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật
Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;
Xét các Văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Thiên Ân số 11/CV-TA
ngày 11 tháng 5 năm 2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số
14/CV-TA ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh
sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án “Tổ hợp trung tâm hội
nghị, nhà hàng và khách sạn Thiên Ân” và hồ sơ kèm theo;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
285/TTr-STNMT-MT ngày 16 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Thiên Ân, địa chỉ tại lô 12, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Tổ hợp trung tâm hội nghị, nhà hàng và khách sạn Thiên Ân” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Tổ hợp trung tâm hội nghị, nhà hàng và khách sạn Thiên Ân.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: lô 12, Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp số: 3301611657, đăng ký lần đầu ngày 07/7/2017, đăng ký

thay đổi lần thứ 1 ngày 08/12/2020.

1.4. Mã số thuế: 3301611657.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: nhà hàng và dịch vụ lưu trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích dự án: 2.243,3m² được giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ:

Stt	Hệ Toạ độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	
	X (m)	Y (m)
1	1.819.261,97	565.694,65
2	1.819.233,71	565.745,14
3	1.819.226,91	565.747,06
4	1.819.206,12	565.735,50
5	1.819.204,21	565.728,69
6	1.819.232,44	565.678,20
7	1.819.239,25	565.676,27
8	1.819.260,03	565.687,86

- Quy mô: Tổ hợp trung tâm hội nghị, nhà hàng và khách sạn Thiên Ân được thiết kế đạt tiêu chuẩn 3 sao. Khách sạn có 64 phòng với các dịch vụ kèm theo gồm: nhà hàng, phòng hội nghị, massage, gym,...

+ Diện tích xây dựng: 1.195 m², trong đó: khối khách sạn 12 tầng: 400m²; khối nhà hội nghị, nhà hàng 3 tầng: 795m².

+ Tổng diện tích sàn: 7.795 m².

+ Chiều cao lớn nhất: 46,7m.

+ Số tầng công trình: 12 tầng.

+ Mật độ xây dựng: 53,26%.

+ Coffee: 100 người.

+ Nhà hàng buffet: 120 người.

+ Khu nhà hàng tiệc cưới: 920 khách (02 nhà hàng).

+ Phòng tập thể dục, massage, xông hơi và spa.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Đầu tư và Du lịch Thiên Ân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Quyết định cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Cty CP Đầu tư và Du lịch Thiên Ân;
- UBND thị xã Hương Thủy;
- UBND phường Thủy Dương;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 33/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của khách và CBCNV; từ nhà bếp, nhà hàng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Công thoát nước chung của Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, thuộc phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: công thoát nước chung của Khu đô thị mới Đông Nam Thủy An, thuộc phường Thủy Dương, thị xã Hương Thủy.

- Vị trí xả nước thải có tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiếu 3° như sau: X (m): 1.819.229,88; Y (m): 565.682,04.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 78 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: cưỡng bức và xả ngầm.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (giá trị C _{max} , cột A, K=1,0)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
2	pH	-	5-9
3	BOD ₅	mg/l	30
4	TSS	mg/l	50
5	TDS	mg/l	500
6	S ²⁻	mg/l	1
7	NH ₄ ⁺	mg/l	30
8	NO ₃ ⁻ N	mg/l	10
9	PO ₄ ³⁻ P	mg/l	6
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
12	Coliform	MPN/100 ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

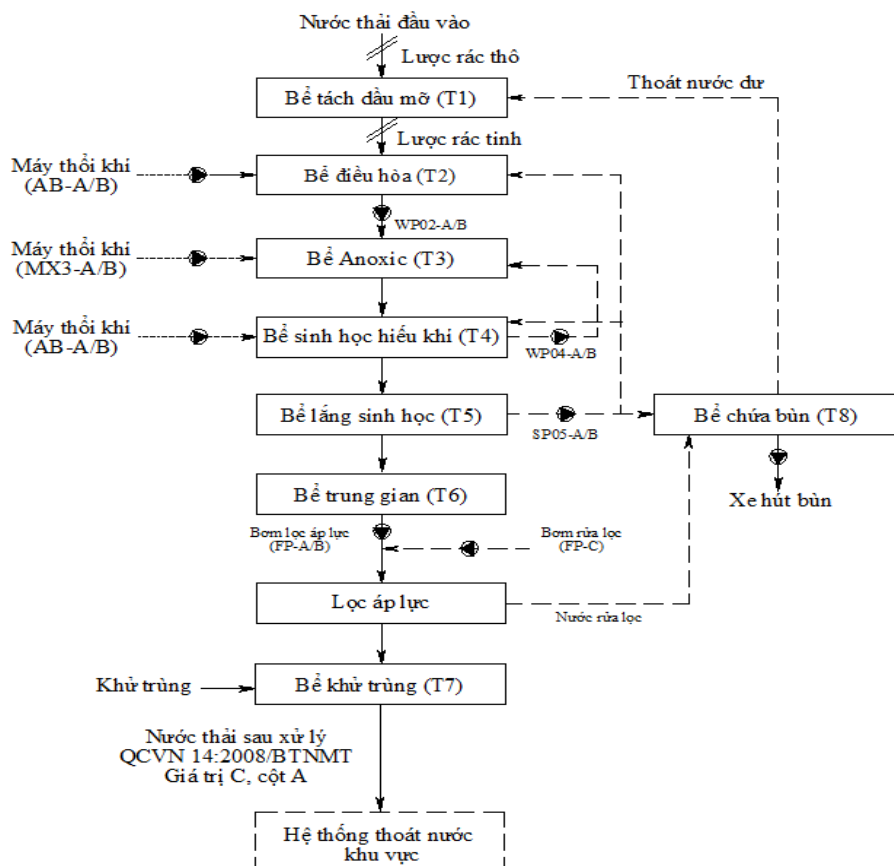
- Nước thải từ lavabo, thu sàn, nhà bếp,... được tách rác sơ bộ sau đó thu bằng ống nhựa PVC D140, dài khoảng 200m.

- Nước thải từ chậu xí, tiểu được thu về bể tự hoại được bố trí trong nhà, tại tầng hầm (03 bể ~ 106,8m³). Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại 03 bể tự hoại, nước thải được thu về hố gom hệ thống xử lý nước thải bằng ống nhựa D140 PVC, dài khoảng 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Thiên Ân đã hợp đồng đơn vị thiết kế, thi công hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT), công suất 78 m³/ngày.đêm, cụ thể:

* Sơ đồ khối của HTXLNT được trình bày ở hình sau:



* Tóm tắt công nghệ:

- Nước thải dự án được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi đầu nối vào HTXLNT tập trung của nhà hàng, khách sạn. Tại các bể chức năng (tách dầu

mỡ, bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí và bể hiếu khí, bể lắng,...) của HTXLNT, nước thải sẽ được xử lý các chất ô nhiễm và khử trùng đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, K=1) trước khi thải ra môi trường.

* Kích thước và thể tích các bể xử lý:

Stt	Tên bể	Vật liệu	Kích thước (L×W×H; m ³)
1	Bể gom, tách dầu mỡ	Bê tông cốt thép Mác 250, quét KOVA chống thấm, chống ăn mòn	1,180x1,2x3,0
2	Bể thu gom + điều hòa		3,062x1,6x3,0
3	Bể thiếu khí		4,250x1,0x3,0
4	Bể hiếu khí		4,250x1,9x3,0
5	Bể lắng sinh học		1,9x4,250x3,0
6	Bể trung gian		2,350x1,2x3,0
7	Bể khử trùng		1,2x1,2x3,0
8	Bể chứa bùn		1,8x1,2x3,0

* Danh mục máy móc thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải:

Stt	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng	Chế độ vận hành	Ghi chú
1	Bơm nước thải thu gom từ nhà bếp	-Model: BAV-400 -Kiểu: Bơm chìm -Lưu lượng: Q =3,75 m ³ /giờ -Cột áp: H = 8,0 m -Điện áp: 1phase/220V/50Hz,0,4Kw -Đường kính ống ra: DN50(Ø60)	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Hoạt động theo phao LS2: .Mức High: bơm ON .Mức Low: bơm OFF -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
2	Bơm nước thải bể điều hòa (T-02) – WP02-A/B Ký hiệu trong Logo: BƠM ĐIỀU HÒA	-Model: BAV-400 -Kiểu: Bơm chìm -Lưu lượng: Q =3,75 m ³ /giờ -Cột áp: H = 8,0 m -Điện áp: 1phase/220V/50Hz,0,4Kw -Đường kính ống ra: DN50 (Ø60)	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Hoạt động theo phao LS2: .Mức High: bơm ON .Mức Low: bơm OFF -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	Lập trình thêm chạy theo timer để sử dụng khi cần, bình thường chạy theo phao
3	Bơm khuấy	-Model:RM-3052	02	AUTO-OFF-MAN	

Stt	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng	Chế độ vận hành	Ghi chú
	trộn bể Anoxic (T-03) – MX03-A/B Ký hiệu trong Logo: BƠM ANOXIC	-Thông số kỹ thuật: +Q= 1.8 m ³ /min -Điện áp: 3pha-380v-50Hz-0.4Kw.		-Chế độ Auto: hai máy hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt. Khi 1 máy sự cố máy kia vẫn hoạt động thay -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
4	Máy thổi khí - AB-A/B Ký hiệu trong Logo: MÁY THỔI KHÍ	- Thông số kỹ thuật: +Lưu lượng: 1.5 m ³ /phút +Áp lực: 4m H ₂ O +Tốc độ quay: 1150rpm +Độ ồn: 65 ± 5 Db +Đường kính đầu thổi: DN32 +Motor: 1.5kw (4 Pole, 3Phase, 380V)	02	AUTO-OFF-MAN - Chế độ Auto: +Luân phiên: 02 máy hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt. Khi 1 máy sự cố máy kia vẫn hoạt động thay -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
5	Bơm sinh học hiếu khí (T-04)-WP04-A/B Ký hiệu trong Logo: BƠM TUẦN HOÀN	-Model: BAV-400 -Kiểu: Bơm chìm -Lưu lượng: Q =3,75 m ³ /giờ -Cột áp: H = 8,0 m -Điện áp: 1phase/220V/50Hz,0,4Kw -Đường kính ống ra: DN50 (Ø60)	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Luân phiên: 02 máy hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt. Khi 1 bơm sự cố bơm kia vẫn hoạt động -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
6	Bơm bùn bể lắng (T-05) - SP05-A/B Ký hiệu trong Logo: BƠM BÙN	-Model: BAV-400 -Kiểu: Bơm chìm -Lưu lượng: Q =3,75 m ³ /giờ -Cột áp: H = 8,0 m -Điện áp: 1phase/220V/50Hz,0,4Kw -Đường kính ống ra: DN50 (Ø60)	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Luân phiên: 02 bơm hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt, khi 1 bơm sự cố bơm kia vẫn hoạt động thay. -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
7	Van tự động - AV Ký hiệu	Điện áp: 1pha/220v/50Hz	01	UTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: hoạt động theo lập trình lưu lượng	

Stt	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng	Chế độ vận hành	Ghi chú
	trong Logo: -VAN LỌC TỰ ĐỘNG			hoặc thời gian. -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
8	Bơm Lọc - FP- A/B Ký hiệu trong Logo: BƠM LỌC	- Model: MT-84T - Kiểu bơm: bơm ly tâm trực ngang - Lưu lượng: Q = 10,0 m ³ /giờ - Cột áp: H = 33,0 m - Điện áp: 3pha/ 380V/50Hz - Công suất: 1,5 Kw (2 Hp) - Đường kính ống vào - ra: DN40 (Ø49)-DN32 (Ø42)	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Hoạt động theo phao LS2: .Mức High: bơm ON .Mức Low: bơm OFF +Hoạt động theo sự điều khiển của van tự động (AV). -Van AV xuất tín hiệu lọc bơm FP-A/B ON. -Van AV chuyển chế độ rửa lọc => bơm FP A/B OFF. -02 bơm hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt, khi 1 bơm sự cố bơm kia vẫn hoạt động thay -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
9	Bơm rửa Lọc – FP-C Ký hiệu trong Logo: BƠM RỬA LỌC	1,5 Kw/380v/3pha/50Hz	01	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Hoạt động theo phao LS3: .Mức High: bơm ON .Mức Low: bơm OFF +Hoạt động theo sự điều khiển của van tự động (AV). -Van AV xuất tín hiệu lọc bơm FP-A/B ON. -Van AV chuyển chế độ rửa lọc => bơm FP A/B OFF. -Chế độ Man: chạy cưỡng	

Stt	Thiết bị	Đặc tính	Số lượng	Chế độ vận hành	Ghi chú
				bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	
10	Bơm định lượng - DP Ký hiệu trong Logo: BƠM ĐỊNH LƯỢNG	- Model: C-6250HV - Lưu lượng: 100 lit/h - Vật liệu: thân polypropylene, màng bơm Teflon - Điện áp: 1 pha, 220V, 50Hz	02	AUTO-OFF-MAN -Chế độ Auto: +Hoạt động theo phao LS5 .Mức High: bơm ON .Mức Low: bơm OFF và theo sự hoạt động của bơm lọc FP- A/B: -02 bơm hoạt động luân phiên theo thời gian cài đặt, khi 1 bơm sự cố bơm kia vẫn hoạt động thay -Chế độ Man: chạy cưỡng bức không phụ thuộc các chế độ điều khiển.	

* Nhu cầu hoá chất, chế phẩm vi sinh sử dụng:

Stt	Hóa chất	Công dụng	Khối lượng
1	Chlorine	Xử lý nước thải	45 kg/năm

1.3. Thoát nước thải:

- Nước thải sau xử lý tại HTXLNT đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (giá trị C_{max} , cột A, K=1) theo đường ống uPVC D76, chiều dài 5m, đi ngầm dưới đất dẫn nước thải ra công thoát nước của khu vực ở phía Tây Nam dự án.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Sự cố cháy nổ: thực hiện theo phương án được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo Giấy chứng nhận số 254/TD-PCCC ngày 12/10/2018.

- Sự cố tại hệ thống thoát nước và Hệ thống xử lý nước thải: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, đặc biệt là thiết bị máy bơm khí tại bể sinh học hiếu khí, bể châm hóa chất khử trùng.

- Sự cố về thiên tai, bão lụt: trường hợp có sự cố ngập úng tại khu vực tầng nửa hầm, tiến hành vận hành hệ thống máy bơm nước đã được lắp đặt để bơm ra hệ thống thoát nước chung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm:
- + Thời gian bắt đầu vận hành: 20/6/2022.
- + Thời gian kết thúc vận hành: 20/12/2022.
- Công suất dự kiến đạt được của từng hạng mục tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm: 70%.

* *Giai đoạn điều chỉnh:*

Stt	Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu
1	Nước thải trước khi vào HTXLNT	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ -N, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ -P, Tổng coliform	Tối thiểu 15 ngày/lần. 5 đợt mẫu, trong 75 ngày vận hành điều chỉnh	Mẫu tổ hợp
2	Nước sau xử lý tại HTXLNT			

* *Giai đoạn vận hành ổn định:*

Stt	Vị trí	Thông số	Tần suất	Loại mẫu
1	Nước thải trước khi vào HTXLNT	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, TDS, S ²⁻ , NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ -N, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, PO ₄ ³⁻ -P, Tổng coliform	01 đợt	Mẫu đơn
2	Nước sau xử lý tại HTXLNT		Ít nhất 03 đợt/3 ngày liên tiếp (trường hợp bất khả kháng, phải thực hiện đo đạc vào ngày tiếp theo)	Mẫu đơn

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ CÁC YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 33/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn phát sinh: khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả khí thải có tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107° , múi chiều 3° như sau: X (m): 1.819.221,48; Y (m): 565.705,69.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.000 m³/h.

2.2.1. *Phương thức xả khí thải:* cưỡng bức, gián đoạn.

2.2.2. *Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:*

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (nồng độ C, cột B, Kp=1, Kv=0,8)
1	Bụi tổng	mg/m ³	200
2	CO	mg/m ³	1.000
3	SO ₂	mg/m ³	500
4	NO _x	mg/m ³	850

* *Ghi chú:*

- Kp=1: lưu lượng nguồn thải P < 20.000 m³/h.

- Kv= 0,8: khu đô thị loại II.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. *Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:* không.

2.2. *Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:*

- Đồng bộ với máy phát điện, đảm bảo động cơ đốt cháy hoàn toàn nhiên liệu để giảm nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: không.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Người dùng tuân thủ tiêu chuẩn ISO 9001 và CE, bao gồm các chỉ thị sau:

+ 2006/42/EC: An toàn máy móc.

- 2006/95/EC: Điện áp thấp.

- EN 60204-1: 2006+A1:2009, EN ISO 12100: 2010, EN ISO 13849-1: 2008, EN12601:2010, IS/IEC60034-1, IS 1460, ISO 8528, ISO 3046, ISO 9001, IS 13018.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: không.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ
CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 33/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3° như sau: X (m): 1.819.221,48; Y (m): 565.705,69.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	QCVN 26:2010/BTNMT			
1	55	45	Theo kế hoạch của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt
2	70	55		Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	60	55	Theo kế hoạch của Chủ dự án, và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền	Khu vực đặc biệt
2	70	60		Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí cửa cách âm khu vực nhà hàng, nhà bếp và các khu dịch vụ.

- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động, tiếng ồn có thể phát sinh.

- Lắp đặt hệ thống tiêu âm bao phòng máy phát điện dự phòng, bao gồm:

- + Tiêu âm tường, trần phòng máy: được làm bằng khung thép, bông thủy tinh tỷ trọng từ $80-100\text{kg/m}^3$, vải bọc chống cháy, tôn đục lỗ. Độ dày tiêu âm từ 80-100 mm.

- + Khối tiêu âm đầu vào, đầu ra: được làm bằng các vật liệu tương tự tiêu âm tường và trần phòng máy được ghép thành các khối ghép đan xen nhau nhằm giảm tiếng ồn gió vào. Khối tiêu âm đầu vào có diện tích bằng 1,3-1,5 lần diện tích kết nước, khối tiêu âm đầu ra có diện tích bằng 1,1-1,3 lần diện tích kết nước.

- + Bộ giảm thanh sơ cấp, thứ cấp: bên ngoài bằng thép, bên trong bộ sơ cấp chứa bông thủy tinh tỷ trọng $80-100\text{kg/m}^3$, bọc vải chống cháy và tôn đục lỗ. Bộ giảm thanh thứ cấp bên trong chứa các ống đan xen.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*Kèm theo Giấy phép môi trường số: 33/GPMT-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2022
của UBND (tỉnh Thừa Thiên Huế)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chung loại, khối lượng:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng ước tính (kg/năm)	Mã CTNH
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	5	16 01 02
2	Các loại dầu mỡ thải	Lỏng	1	16 01 08
3	Giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	4	18 02 01
Tổng			10	

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Từ hoạt động của khách lưu trú:

+ Thành phần: bao gồm cả chất hữu cơ và vô cơ, trong đó chủ yếu thức ăn thừa, các túi chất dẻo, giấy vụn, bao bì,...

+ Khối lượng: 85 kg/ngày.

- Từ hoạt động chế biến thức ăn và nhà hàng:

+ Thành phần: thức ăn dư thừa và bao bì đựng thực phẩm,...

+ Khối lượng: 100 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng (chất liệu inox, thể tích 50 lít).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 1,0 m².

- Vị trí: tại tầng hầm của dự án.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa:

+ 12 thùng (chất liệu bằng nhựa, thể tích 25 lít).

+ 64 giỏ (chất liệu bằng nhựa, thể tích 3 lít).

+ 03 thùng (chất liệu bằng nhựa, thể tích 240 lít).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố cháy nổ:

- Lắp đặt hệ thống đường ống cứu hỏa cung cấp đủ lượng nước, đủ áp lực cho hệ thống chữa cháy phun nước và các họng cứu hỏa.

- Trữ tiếp nước cho xe chữa cháy đặt độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt trong hệ thống cấp nước chữa cháy áp lực thấp, máy bơm chữa cháy cố định có thiết bị bảo đảm mở máy khi có sự cố xảy ra.

- Lắp đặt các hộp chữa cháy gồm 1 cuộn vòi chữa cháy D50 dài 20m và 1 lăng phun D16, bình chữa cháy tại chỗ.

- Lắp các biển chỉ dẫn và có cán bộ hướng dẫn thoát hiểm trong trường hợp có sự cố xảy ra.

2. Sự cố tại hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải:

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp, đặc biệt là thiết bị máy bơm khí tại bể sinh học hiếu khí, bể châm hóa chất khử trùng.

- Định kỳ thuê đơn vị chức năng hút bùn tại bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải.

3. Sự cố về thiên tai, bão lụt:

- Tiến hành vận hành hệ thống máy bơm nước đã được lắp đặt để bơm ra hệ thống thoát nước chung trong trường hợp có sự cố ngập úng tại khu vực tầng nửa hầm.

- Bố trí cán bộ trực ngày và đêm nhằm phát hiện và khắc phục sớm những sự cố có thể xảy ra do thiên tai.

4. Sự cố dịch bệnh và bệnh nghề nghiệp:

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp về vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

- Trường hợp phát hiện các ca mắc các bệnh truyền nhiễm phải sớm cách ly, báo cho trung tâm y tế tại địa phương để có phương án phù hợp./.